

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHI LỘC  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 12- 6 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đức Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Trung Dũng

- Ông Nguyễn Xuân Hoà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vương Thanh Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXX - ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Doãn Hữu H, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An

Hiện đang cải tạo tại Trại giam X, xã TL, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) đề ngày 11/10/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày:* - Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Chị (C) và anh Doãn Hữu H lấy nhau, đi đăng ký kết hôn vào ngày 06/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh

phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, thiếu trách nhiệm với vợ con, thường xuyên đi chơi với bạn bè, ham chơi Lô đề, cờ bạc làm cho gia đình rơi vào nợ nần, chị phải chịu khó làm ăn, vay mượn để trả nợ cho anh H. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không thay đổi mà còn ham chơi với bạn bè, không có trách nhiệm với gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vào tháng 12 năm 2018, anh H vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, tỉnh Hà Tĩnh. Nay giữa chị và anh H không còn tình cảm gì nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Doãn Hữu H.

- Về con chung: Vợ chồng chị C, anh H có 01 con chung, cháu tên Doãn Thiên B, sinh ngày 12/7/2016. Anh H không hề quan tâm, chăm sóc con mà còn chơi bời, vi phạm pháp luật, để chị một mình nuôi con. Hiện anh H đang chấp hành án không có điều kiện để nuôi con, nguyện vọng sau khi ly hôn chị là người trực tiếp nuôi con, chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn, anh Doãn Hữu H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời khai của anh thể hiện nội dung:* anh H thừa nhận về điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung của vợ chồng là đúng sự thật như lời khai của chị C. Sau khi lấy nhau vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2018 thì có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H cũng ít dành thời gian cho gia đình, từ đó dẫn đến giữa vợ chồng xảy ra tranh cãi. Mặc dù có mâu thuẫn nhưng anh H vẫn còn tình cảm với chị C, mong chị C rút đơn để sau này vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng nếu chị C cứ cương quyết ly hôn thì anh H cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên Doãn Thiên B, sinh ngày 12/7/2016. Nếu ly hôn anh H cũng có nguyện vọng nuôi con nhưng hiện tại anh H còn phải cải tạo thì hành án phạt tù nên đề nghị cơ quan Tòa án xem xét theo quy định.

- Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định tư cách pháp lý của các đương sự; thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự; thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thư ký tòa án thực hiện ghi biên bản về việc không tiến hành được phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo

danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa, thực hiện nội dung, phương thức, thứ tự tranh tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị C được ly hôn với anh Doãn Hữu H.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung Doãn Thiên B cho chị Phạm Thị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Doãn Hữu H do chị C chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về tố tụng:**

[1.1]. Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn vào 06/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu tại xóm T, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay nguyên đơn là chị Phạm Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Doãn Hữu H. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm b khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Bị đơn anh Doãn Hữu H hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X, xã TL, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Theo tinh thần tại Nghị quyết 03/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; đây thuộc vụ án không hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Doãn Hữu H.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

[2.1]. Chị Phạm Thị C và anh Doãn Hữu H lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 06/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An và không vi phạm điều kiện kết hôn tại điều 8, điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy quan hệ hôn nhân đó là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Đối với yêu cầu về ly hôn: Theo chị C khai nại, sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn

đến mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, thiếu trách nhiệm với vợ con, thường xuyên đi chơi với bạn bè, ham chơi Lô đề, cờ bạc làm cho gia đình rơi vào nợ nần, chị phải chịu khó làm ăn, vay mượn để trả nợ cho anh H. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không thay đổi mà còn ham chơi với bạn bè, không có trách nhiệm với gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vào tháng 12 năm 2018, anh H vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, Hà Tĩnh. Chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu giải quyết ly hôn. Anh H thừa nhận mặc dù có mâu thuẫn nhưng anh H vẫn còn tình cảm với chị C, mong chị C rút đơn để sau này vợ chồng về đoàn tụ. Nhưng nếu chị C cứ cương quyết ly hôn thì anh H cũng nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: giữa vợ chồng chị C, anh H đã có mâu thuẫn trong thời gian dài; nguyên nhân do anh H không tu chí làm ăn và vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù từ cuối năm 2018 đến nay. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn anh H.

- Đối với yêu cầu nuôi con chung: Chị Phạm Thị C và anh Doãn Hữu H có 01 con chung là Doãn Thiên B, sinh ngày 12/7/2016. Hiện tại cháu B còn nhỏ và đang ở cùng chị C. Anh H đang chấp hành hình phạt tù không thể chăm sóc được cho cháu B. Chị C và anh H đều thống nhất việc giao cháu B cho chị C trực tiếp nuôi nên cần giao cháu B cho chị C trực tiếp nuôi sau khi ly hôn là đảm bảo được việc nuôi dưỡng cháu B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay anh H đang chấp hành án phạt tù, chị C chưa có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Doãn Hữu H.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Phạm Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 điều 35; khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 03/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

*quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị C được ly hôn anh Doãn Hữu H.
2. Về con chung: Giao con chung Doãn Thiên B, sinh ngày 12/7/2016 cho chị Phạm Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Doãn Hữu H.

Anh Doãn Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Nếu anh Doãn Hữu H lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì chị Phạm Thị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung. Chị Phạm Thị C cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Doãn Hữu H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: chị Phạm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số 0005951 ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị C đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Thi hành án DS h.N;
- UBND xã NT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Vũ Đức Thúy**